CÔNG VĂN ĐẾN
Sở Tư pháp
14-06-2022 13:56:52 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /2022/QĐ-UBND	*Hòa Bình, ngày 18 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành bộ đơn giá bồi thường đối với tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 607/TTr-STC ngày 31 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành bộ đơn

giá bồi thường đối với tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình như sau:

1. Ban hành "Phụ lục thuyết minh về đơn giá bồi thường nhà và công trình kiến trúc; thuyết minh về đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi" thay thế Phụ lục số I ban hành kèm theo Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân tỉnh Hòa Bình.

(Có Phụ lục kèm theo)

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số IV ban hành kèm theo Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Mục I:

- Sửa đổi số thứ tự số 18, 19 như sau:

TT	Loại cây	Đơn vị tính	Giải thích quy định	Đơn giá (đồng)
18	Mía trồng tập trung theo rãnh (tối đa 8.000 m/ha)	m	Mới mọc mầm < 1 tháng	12.000
			Chưa đến tuổi thu hoạch	17.000
			Sắp cho thu hoạch	20.000
19	Mía trồng theo khóm	Khóm	Mới mọc mầm < 1 tháng	12.000
			Chưa đến tuổi thu hoạch	17.000
			Sắp cho thu hoạch	20.000

- Bổ sung nội dung sau số thứ tự số 20 như sau: *"Đối với mía lưu gốc bằng 70% đơn giá mía mới trồng áp dụng cho cả 3 giai đoạn sinh trưởng"*.

b) Sửa đổi, bổ sung nội dung sau số thứ tự 3, Mục III như sau: *"Đối với cây tại mục III mới trồng, dưới 01 năm tuổi: Số lượng cây bồi thường không quá mật độ theo quy định. Đối với cây trồng xen thứ nhất, bồi thường không quá 50% mật độ theo quy định. Đối với cây trồng xen thứ hai bồi thường không quá 25% mật độ theo quy định; Đối với các cây còn lại ngoài mật độ, cây trồng xen thứ ba hỗ trợ di dời"*.

c) Sửa đổi, bổ sung Mục IV như sau:

- Sửa đổi số thứ tự số 11 như sau:

TT	Loại cây	Đơn vị tính	Giải thích quy định	Đơn giá (đồng)
11	Đu đủ (tối đa 3.200 cây/ha), chuối (tối đa 2.500 cây/ha)	Cây	Mới trồng, chưa có quả	40.000
			Cây có quả, chưa cho thu hoạch	70.000
			Bổ sung cây đang cho thu hoạch	95.000

- Sửa đổi nội dung sau số thứ tự số 14 như sau: *"Đối với cây tại mục IV mới trồng, dưới 01 năm tuổi: Số lượng cây bồi thường không quá mật độ theo quy định. Đối với loại cây trồng xen thứ nhất, bồi thường không quá 50% mật độ theo quy định. Đối với loại cây trồng xen thứ hai bồi thường không quá 25% mật độ theo quy định; Đối với các cây còn lại ngoài mật độ, cây trồng xen thứ ba hỗ trợ di dời"*.

d) Sửa đổi nội dung sau số thứ tự số 3 Mục V như sau: *"Đối với những cây cho thu hoạch nhiều lứa nếu thông báo thu hồi đất vào sau kỳ thu hoạch lứa trước và trước kỳ thu hoạch lứa sau thì được xác định là cây đã cho thu hoạch."*

đ) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 2 Mục VII như sau:

TT	Loại cây	Đơn vị tính	Giải thích quy định	Đơn giá (đồng)
2	Hỗ trợ di dời cây ươm, trồng dưới đất	Cây	Đường kính tán rộng dưới 50cm, chiều cao cây < 10cm	200
			Đường kính tán rộng dưới 50cm, chiều cao cây từ 10cm đến dưới 30cm	2.000
			Đường kính tán rộng dưới 50cm, chiều cao cây từ 30cm đến dưới 60cm	4.000
			Đường kính tán rộng dưới 50cm, chiều cao cây từ 60cm đến dưới 100cm	8.000
			Đường kính tán rộng dưới 50cm, chiều cao cây lớn hơn 100cm	15.000
			Đường kính tán rộng từ 50cm đến dưới 100cm	25.000
			Đường kính tán rộng từ 100cm đến 150cm	40.000
			Đường kính tán rộng trên 150cm	50.000

e) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 12 Mục IX như sau:

TT	Loại cây	Đơn vị tính	Giải thích quy định	Đơn giá (đồng)
12	Cây tre bát độ, cây trúc lấy măng	Khóm	Khóm có từ 6 cây trưởng thành trở lên	500.000
			Khóm có từ 3 đến 5 cây trưởng thành	350.000
			Khóm có từ 1-2 cây trưởng thành	200.000
			Khóm mới trồng có một thân duy nhất, chưa cho thu hoạch măng, mật độ 500 khóm/ha	100.000

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2022.

2. Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

theo phương án đã được duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Quyết định này.

3. Các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 và Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính, Bộ Công thương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (PMD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Bùi Văn Khánh

PHỤ LỤC SỐ I
THUYẾT MINH VỀ ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC; THUYẾT MINH VỀ ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08 */2022/QĐ-UBND ngày18 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

I. THUYẾT MINH VỀ ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC

1. Cơ sở tính toán đơn giá bồi thường

a) Giá bồi thường tại Phụ lục số II, Phụ lục số III được tính trên cơ sở 1 đơn vị khối lượng công việc.

b) Đơn giá được tính trên cơ sở giá vật liệu (đã có VAT), nhân công, máy thi công tại thời điểm lập đơn giá.

2. Phương pháp áp dụng đơn giá để tính giá bồi thường

a) Kết cấu công trình phù hợp với đơn giá công trình kiến trúc nào thì áp dụng đơn giá công trình kiến trúc đó để tính giá bồi thường (Phụ lục số II).

b) Đối với công trình kiến trúc có kết cấu và hoàn thiện khác với Phụ lục số II thì những công việc đó được đối trừ khối lượng và đơn giá tại Phụ lục số III.

c) Đối với những công việc đơn lẻ thì áp dụng Phụ lục số III để tính giá trị bồi thường cho từng công việc đó.

d) Đối với những công việc chỉ đền bù vật liệu thì sử dụng giá vật liệu theo thông báo giá của Sở Xây dựng tại thời điểm thực hiện bồi thường.

đ) Đối với các công trình phụ trợ như: Tường rào, bể nước, cổng, nhà bếp, sân, v.v... khi áp dụng giá đền bù sẽ được tách ra theo đơn vị khối lượng phù hợp với đơn giá tại Phụ lục số III để tính giá trị bồi thường.

e) Các nhà gỗ kết hợp với xây, thì tính tách khối lượng phần xây theo đơn vị m^3, trát theo m^2, phần cột, kèo gỗ tính theo m^3, mái ngói, phibrô ximăng, tôn tính theo m^2 để áp dụng đơn giá phụ lục số III.

g) Phần ao cá đơn vị tính theo m^3 nước (thể tích ao).

h) Đối với những phần việc khi thực hiện công tác bồi thường mà không có trong Phụ lục số II và Phụ lục số III thì được chiết tính đơn giá tại thời điểm hiện hành.

i) Đối với các công trình không có khả năng áp dụng các quy định nêu trên (có các kết cấu không phổ thông, không thông dụng), để xác định đơn giá bồi thường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng và các tổ chức cá nhân có liên quan báo cáo Sở Xây dựng, Sở Tài

chính, Sở Tài nguyên và Môi trường. Căn cứ báo cáo nêu trên, Sở Xây dựng tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đơn giá bồi thường cho từng dự án cụ thể.

II. THUYẾT MINH VỀ ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI

1. Nguyên tắc xác định đường kính thân cây; đo, đếm theo đơn vị tính m^2, m, khóm, cây

a) Cây phân cành thấp nhất ở độ cao > 1,3 m: đo đường kính thân tại độ cao 1,3 m cách mặt đất.

b) Cây phân cành thấp nhất ở độ cao ≤ 1,3 m: đo đường kính thân dưới điểm phân cành 0,3 m.

c) M^2: Đo diện tích đất thực tế theo hai chiều dài và rộng, sau đó tính theo công thức: Diện tích = Chiều dài x Chiều rộng.

d) M: Đối với các loại cây trồng làm hàng rào; mía trồng theo rãnh; chè trồng theo luống, cây song mây... đo theo chiều dài rãnh, luống... Sau đó lấy số đo thực tế.

đ) Khóm: "Là tập hợp các cây mọc liền nhau", khóm tre, khóm hoa... Tiến hành đếm số khóm thực tế.

e) Cây: Là các cây tách rời không mọc liền thành khóm, thì đếm số cây thực tế.

g) Đối với cây tre, cây nứa, chuối: đếm số cây hữu hiệu trên khóm (không áp dụng đối với măng).

2. Xác định diện tích tán cây (m^2 tán lá)

a) Diện tích tán cây = 3,14 x Bán kính tán cây x Bán kính tán cây *($S=\pi*r^2$. Trong đó: S là diện tích tán cây, đơn vị tính là mét vuông (m^2); Hệ số π =3,14; r là bán kính tán cây).*

b) Bán kính tán cây được xác định bằng 1/2 đường kính tán trung bình của cây: r = D tán (tb)/2. Trong đó đường kính tán cây là đường kính hình chiếu tán theo phương thẳng đứng, được đo theo hai chiều Đông Tây, Nam Bắc.

D tán (tb) = [D (Đông Tây) + D (Nam bắc)]/2, *trong đó:*

- D tán (tb): đường kính tán của cây.

- D (Đông Tây): Đường kính tán đo theo hướng Đông Tây.

- D (Nam Bắc): Đường kính tán đo theo hướng Nam Bắc.

3. Xác định cây trồng chính, cây trồng xen

Cây trồng chính là cây trồng được xác định sẽ cho thu nhập lớn nhất hoặc cây trồng có thời gian cho thu hoạch kéo dài nhất trên diện tích đất canh tác đó. Trong trường hợp trên cùng diện tích đất có 01 cây trồng chính và 02 cây trồng xen thì cây trồng xen nào trồng trước được xác định là cây trồng xen thứ nhất; trường hợp cả hai loại cây trồng xen được trồng cùng thời điểm thì cây nào có giá trị kinh tế hơn được xác định là cây trồng xen thứ nhất.

4. Nguyên tắc bồi thường đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất được tính toán, xác định cho từng trường hợp cụ thể

a) Đối với những trường hợp kiểm đếm trên diện tích trồng cây ăn quả hay cây công nghiệp lâu năm, trồng thuần loài hoặc trồng xen với những cây lâu năm khác mà bộ tán lá đã đan xen, giao nhau - các cây tại mục III, IV Phụ lục số IV Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh và cây lâm nghiệp cho thu hoạch quả.

- Tổng diện tích tán của một loài cây nằm trên thửa đất cộng lại không vượt quá diện tích đất trồng áp dụng đối với diện tích đất trồng nhỏ hơn diện tích thu hồi đất.

- Đối với diện tích đất trồng bằng diện tích thu hồi đất thì tổng diện tích tán của một loài cây nằm trên thửa đất cộng lại không vượt quá diện tích đất thu hồi.

- Trường hợp diện tích đất thu hồi không hết phần đất trồng, có phần tán lá vượt quá ranh giới thửa đất thu hồi được tính cả diện tích phần tán lá vượt quá ranh giới thửa đất thu hồi theo thực tế.

- Đối với các vườn cây bước vào giai đoạn cuối của chu kỳ kinh doanh (có bộ tán đan xen, tổng diện tích tán lớn hơn nhiều so với diện tích đất trồng), hoặc các vườn cây có nhiều loài cây có các tầng tán phân biệt rõ rệt có tổng diện tích tán lớn hơn nhiều so với diện tích đất trồng. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm tính toán xây dựng đơn giá bồi thường hỗ trợ tài sản báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đơn giá bồi thường cho từng dự án cụ thể.

b) Đối với cây trồng xen ở dưới tán cây trồng chính đã khép tán (cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm, cây lâm nghiệp…), chỉ áp dụng với nhóm cây ưa ánh sáng tán xạ (cây thân thảo, thân leo, …). Số lượng m^2 bồi thường bằng 100% theo quy định.

c) Đối với các cây ăn quả, cây lâm nghiệp... (không phải cây ưa ánh sáng tán xạ) trồng dưới diện tích cây ăn quả (đã khép tán) áp dụng đơn giá di dời hoặc bồi thường theo đơn giá di dời.

d) Đối với diện tích rừng trồng phân tán hoặc trồng cây lâm nghiệp (diện tích nhỏ hơn 0,3 ha) nếu mật độ cây lâm nghiệp vượt quá 2000 cây (mật độ rừng trồng tập trung theo định mức kinh tế kỹ thuật phổ biến tại địa phương) thì bồi thường như rừng trồng tập trung, đơn vị tính là ha, theo đơn giá tại Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Hòa Bình.

đ) Đối với diện tích đồi, vườn có toàn bộ các loài cây trồng trên diện tích này đã qua thời kỳ kiến thiết cơ bản *(đã trồng lâu năm chưa khép tán, đang trong thời gian cho thu hoạch sản phẩm)* thì được tính bồi thường thiệt hại cho toàn bộ số lượng cây hiện có trên diện tích đất bị thu hồi.

e) Đối với diện tích đồi, vườn trồng các loại cây đã qua thời kỳ kiến thiết cơ bản có trồng xen lẫn các cây trong thời kỳ kiến thiết cơ bản *(cây mới trồng)* thì

được xác định ưu tiên tính bồi thường thiệt hại cho toàn bộ số lượng cây trồng đã qua thời kỳ kiến thiết cơ bản và trên cơ sở mật độ của các cây trồng đã qua thời kỳ kiến thiết cơ bản xác định diện tích chiếm đất *(diện tích tán lá theo hình chiếu tán)* của cây này; trường hợp diện tích chiếm đất của cây trồng đã qua thời kỳ kiến thiết cơ bản đủ và vượt so với diện tích đất thu hồi, các cây trồng đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản sẽ được bồi thường theo đơn giá di dời; trường hợp diện tích chiếm đất *(diện tích tán lá theo hình chiếu tán)* của cây trồng đã qua thời kỳ kiến thiết cơ bản nhỏ hơn so với diện tích đất bị thu hồi thì trên cơ sở mật độ để tính cho loài cây đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản có giá trị cao nhất, nếu còn diện tích thì tính cho các loài cây có giá trị thấp hơn tiếp theo cho đến hết diện tích đất bị thu hồi *(diện tích được xác định theo số liệu đo đạc địa chính);* đối với các loại cây vượt quá mật độ bồi thường bằng đơn giá di dời.

5. Phương pháp xác định giá trị bồi thường và áp dụng đối với các loại cây trồng chưa có trong danh mục

a) Mức bồi thường đối với cây hàng năm được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của cây trồng tại địa phương và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất.

b) Mức bồi thường đối với cây lâu năm, được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất mà không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất. Giá trị hiện có của vườn cây để tính bồi thường được xác định như sau:

- Đối với cây lâu năm mới trồng hoặc đang ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (cây chưa cho thu hoạch), thì giá trị hiện có của vườn cây là toàn bộ chi phí trồng (đào hố, trồng cây...) và chi phí chăm sóc đến thời điểm thu hồi đất (tối đa theo định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành tại địa phương).

- Đối với cây lâu năm thu hoạch một lần (nhóm cây lâm nghiệp) đang ở thời kỳ kinh doanh (đã cho thu hoạch) thì không được bồi thường, chỉ hỗ trợ công khai thác.

- Đối với cây lâu năm thu hoạch nhiều lần (nhóm cây ăn quả, nhóm cây công nghiệp lâu năm) đang ở thời kỳ kinh doanh, thì giá trị hiện có của vườn cây được tính bồi thường là giá trị sản lượng của cây trồng (trung bình 03 năm gần nhất) cộng (+) chi phí thời kỳ kiến thiết cơ bản (03 năm đầu - tối đa theo định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành tại địa phương).

c) Đối với các cây không có trong Phụ lục số VI ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Căn cứ tính chất tương đồng của từng nhóm gỗ để áp dụng, đối với cây không có trong bảng phân loại tạm thời các loại gỗ (Quyết định số 2198-CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ Lâm nghiệp ban hành phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước; Quyết định số 334-CNR ngày 10 tháng 5 năm 1988 của Bộ Lâm nghiệp điều chỉnh việc xếp hạng một số loại gỗ sử dụng trong

bảng phân loại 8 nhóm) hoặc xác định bồi thường theo mức giá hiện có (áp dụng phương pháp b mục này).

d) Đối với các loại cây trồng chưa có trong Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019, Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2020 và Quyết định này thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, các tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm tính toán xây dựng đơn giá bồi thường tài sản báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đơn giá bồi thường cho từng dự án cụ thể.

Xác định giá trị theo 01 trong các phương pháp sau:

- Xác định giá trị loại cây cối, hoa màu có giá trị tương đương để áp dụng đơn giá bồi thường.

- Xác định theo phương pháp a, b, c mục này.

- Trường hợp cây lâm nghiệp cho thu hoạch quả tại thời điểm kiểm kê và loại cây trồng chưa có trong quyết định, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố xác định theo phương pháp tại Phần II Phụ lục này (nhóm cây ăn quả) - nếu bồi thường theo đơn giá cây ăn quả - thì không bồi thường theo đơn giá cây lấy gỗ đã quy định tại Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH